TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/DS-ST
Ngày: 01-3-2021
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 01 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 643/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp A1, đường X, phường Y, quận Z.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T - Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Đức Kiên T1 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh A2 (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng A).

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo Giấy ủy quyền số 2103/GUQ-BIDV.BSG ngày 16/11/2017): ông Đinh Viết K

Địa chỉ liên lạc: 290 đường P, Phường O, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc N - sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 4/5K ấp B, xã C, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Viết K trình bày:

Vào ngày 17/5/2010, Ngân hàng A cho ông Nguyễn Ngọc N vay tiền thông qua hình thức phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Visa) với nội dung sau:

- Số tiền vay/hạn mức tín dụng: 60.000.000 đồng.

- Lãi suất sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo qui định của ngân hàng A.

- Thời hạn trả nợ gốc, trả lãi vay: ngày cuối cùng được thông báo theo sao kê thẻ tín dụng.

Tính đến ngày 25/7/2017, ông Nguyễn Ngọc N còn nợ Ngân hàng A tổng cộng 487.043.659 đồng, trong đó: dư nợ gốc: 56.688.658 đồng. Lãi trong hạn: 6.168.752 đồng, Lãi quá hạn: 369.186.249 đồng.

Từ ngày quá hạn khoản vay đến nay, Ngân hàng A – Chi nhánh A2 đã dùng nhiều biện pháp đòi nợ, gửi thông báo, làm việc trực tiếp với khách hàng. Mặc dù ông N đã hứa trả nợ nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Do ông Nguyễn Ngọc N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng A – Chi nhánh A2 đã khởi kiện ông N tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và phí tạm tính đến hết ngày 28/02/2021 là 521.184.403 đồng (năm trăm hai mươi mốt triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ ba đồng). Trong đó tiền nợ gốc: 56.688.658 đồng, lãi cộng dồn: 95.309.496 đồng, phí cộng dồn: 369.186.249 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 01/3/2021 cho đến khi ông N hoàn tất nghĩa vụ thánh toán các khoản tiền cho ngân hàng A.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cũng như tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét

xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của ngân hàng A: Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai; biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Căn cứ vào Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/5/2010, có cơ sở xác định ông Nguyễn Ngọc N có ký hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức phát hành thẻ (thẻ Visa) với thỏa thuận số tiền vay tối đa 60.000.000 đồng; lãi suất theo quy định của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; thời hạn trả nợ gốc, trả lãi vào ngày cuối cùng được thông báo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Ngọc N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu nhưng đến nay ông N vẫn không thanh toán nợ vay cho ngân hàng. Do đó, ngân hàng yêu cầu ông N thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 28/02/2021 là 521.184.403 đồng, gồm nợ gốc: 56.688.658 đồng, lãi cộng dồn: 95.309.496 đồng, phí cộng dồn: 369.186.249 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông N hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền cho ngân hàng A.

Ông Nguyễn Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Như vậy ông N đã từ chối quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với số tiền nợ trên.

Nhận thấy, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 28/02/2021 là 521.184.403 đồng, gồm nợ gốc: 56.688.658 đồng, lãi cộng dồn: 95.309.496 đồng, phí cộng dồn: 369.186.249 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông N hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền cho ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh A2 xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đồng thời bị đơn là ông Nguyễn Ngọc N có nơi cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở. Do đó, Hội

đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc N theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định ngày 17/5/2010 ông Nguyễn Ngọc N đã ký với Ngân hàng A – Chi nhánh A2 đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), ông N đã sử dụng số tiền 56.688.658 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Ngọc N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A – Chi nhánh A2. Do ông N nhiều lần hứa hẹn và vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A đã khởi kiện yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi cộng dồn và phí cộng dồn tạm tính đến hết ngày 28/02/2021 là 521.184.403 đồng (năm trăm hai mươi mốt triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ ba đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ trả nợ cho diện Ngân hàng A – Chi nhánh A2 số tiền nợ gốc, lãi cộng dồn và phí cộng dồn tạm tính đến hết ngày 28/02/2021 là 521.184.403 đồng (năm trăm hai mươi mốt triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ ba đồng) và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn tính từ ngày 01/3/2021 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo quy định của Ngân hàng A là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong đó có đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm điều kiện, điều khoản phát hành thẻ tín dụng quốc tế được ký kết giữa Ngân hàng A và ông N ngày 17/5/2010, các biên bản làm việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ của ông N với ngân hàng A; đồng thời phía ông N cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng xem như ông N đã từ chối quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với số tiền nợ trên. Do vậy, tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về thời hạn trả nợ: Do khoản nợ này đã quá hạn nên Ngân hàng A – Chi nhánh A2 yêu cầu ông N phải trả nợ gốc và lãi khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật; đồng thời đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về tố tụng cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn lại số tiền án phí đã nộp theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hộp quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, Lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A – Chi nhánh A2 đối với ông Nguyễn Ngọc N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Ngọc N phải trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh A2 số tiền tổng cộng là 521.184.403 đồng (năm trăm hai mươi mốt triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ ba đồng), gồm nợ gốc: 56.688.658 đồng, lãi cộng dồn: 95.309.496 đồng, phí cộng dồn: 369.186.249 đồng; đồng thời buộc ông N phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn tính từ ngày 01/3/2021 cho đến khi ông N trả hết nợ cho ngân hàng A theo lãi suất thỏa thuận tại Đơn đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm điều kiện, điều khoản phát hành thẻ tín dụng quốc tế được ký kết giữa Ngân hàng A và ông N ngày 17/5/2010.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.847.376 đồng (hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.740.873 đồng (mười một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền số 0032911 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND HHM;
- Chi cục THA DS HHM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Thanh Thủy